

ẢNH HƯỞNG CỦA KỸ NĂNG SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN HÀNH VI HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Minh Hợp

Học viên cao học K34 - Trường Khoa học Giáo dục, Trường ĐHSP Hà Nội

Tóm tắt: Sự phổ biến của các hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là AI tạo sinh, đã thúc đẩy nghiên cứu về những năng lực cần thiết để người học tương tác với công nghệ một cách có hiệu quả và trách nhiệm. Trong các công trình quốc tế, thuật ngữ AI literacy thường được sử dụng để chỉ một cấu trúc rộng, bao gồm kiến thức về AI, khả năng ứng dụng, đánh giá và nhận thức đạo đức. Khi vận dụng vào đề tài này, cần phân biệt AI literacy với kỹ năng sử dụng AI trong học tập: khái niệm thứ hai nhấn mạnh khả năng thực hiện các thao tác có mục đích trong những nhiệm vụ học tập cụ thể. Nội dung bài viết nghiên cứu một số các vấn đề lý luận và xem xét vấn đề này đối với 05 học sinh THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ đó có thể bổ sung thêm minh chứng thực tiễn cho nghiên cứu tiếp theo với việc đề xuất những biện pháp giúp học sinh sử dụng AI hiệu quả, có chọn lọc và có trách nhiệm, góp phần duy trì tính chủ động và độc lập trong học tập.

Từ khóa: Ảnh hưởng, hành vi học tập, học sinh trung học phổ thông, kỹ năng, sử dụng, trí tuệ nhân tạo.

THE IMPACT OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE PROFICIENCY ON THE LEARNING BEHAVIOR OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN HANOI CITY

Abstract: The widespread adoption of artificial intelligence (AI) systems, particularly generative AI, has spurred research into the competencies required for learners to interact with technology effectively and responsibly. In international literature, the term “AI literacy” is commonly used to denote a broad construct encompassing AI knowledge, application capabilities, evaluative skills, and ethical awareness. When addressing this topic, it is essential to distinguish AI literacy from AI-related learning skills; the latter emphasizes the ability to perform purposeful actions within specific academic tasks. This article examines relevant theoretical concepts and analyzes the issue through a study of five high school students in Hanoi. It aims to provide empirical evidence to support future research by proposing measures that enable students to use AI effectively, selectively, and responsibly, thereby helping them maintain agency and independence in their learning.

Keywords: Impact, learning behavior, high school students, skills, usage, artificial intelligence.

Nhận bài: 06/09/2026

Phản biện: 06/10/2026

Duyệt đăng: 09/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) đã tạo ra nhiều thay đổi trong đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Đối với học sinh, AI có thể hỗ trợ nhiều hoạt động như tìm kiếm và tổng hợp thông tin, giải thích kiến thức, gợi ý cách giải quyết nhiệm vụ, xây dựng ý tưởng và cung cấp phản hồi. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận AI không đồng nghĩa với khả năng sử dụng AI hiệu quả. Học sinh cần biết xác định mục đích sử dụng, tương tác phù hợp với công cụ, đánh giá và kiểm chứng thông tin cũng như vận dụng kết quả do AI cung cấp vào nhiệm vụ học tập. Vấn đề này càng có ý nghĩa đối với học sinh THPT, khi các em được yêu cầu ngày càng cao về tính tự giác, chủ động và độc lập trong học tập, đồng thời có nhiều cơ hội tiếp cận các công cụ AI. Khi AI tham gia vào quá trình tìm kiếm thông tin, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề học tập, kỹ năng sử dụng AI có thể liên quan đến những thay đổi trong hành vi học tập của học sinh. Do đó, vấn đề cần được xem xét không chỉ là học sinh “có sử

dụng AI hay không”, mà sâu hơn là “học sinh sử dụng AI như thế nào, có những kỹ năng gì và những kỹ năng đó ảnh hưởng như thế nào đến hành vi học tập”.

Phạm vi giáo dục phổ thông, tổng quan hệ thống của Casal-Otero và cộng sự (2023) cho thấy, AI literacy đang ngày càng được quan tâm trong giáo dục K-12. Sự phát triển của AI đặt ra yêu cầu chuẩn bị cho học sinh những kiến thức và năng lực cần thiết để hiểu, sử dụng và tương tác với AI. Điều đó cho thấy, cùng với năng lực số nói chung, những kỹ năng liên quan đến việc sử dụng AI đang trở thành một nội dung cần được quan tâm đối với học sinh trong môi trường giáo dục hiện nay.

Mặc dù kiến thức về AI và việc ứng dụng AI trong giáo dục đang ngày càng nhận được sự quan tâm, mối quan hệ giữa kỹ năng sử dụng AI và hành vi học tập của học sinh trong những bối cảnh giáo dục cụ thể vẫn cần tiếp tục được nghiên cứu và làm rõ. Đặc biệt, việc xem xét vấn đề này đối với học sinh THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội

có thể bổ sung thêm bằng chứng thực tiễn, đồng thời cung cấp cơ sở để cho nghiên cứu tiếp theo với việc đề xuất những biện pháp giúp học sinh sử dụng AI hiệu quả, có chọn lọc và có trách nhiệm, góp phần duy trì tính chủ động và độc lập trong học tập.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Các khái niệm

AI (Artificial Intelligence – trí tuệ nhân tạo): Trong phạm vi bài viết, AI được hiểu là hệ thống công nghệ dựa trên máy móc, có khả năng tiếp nhận, xử lý dữ liệu để tạo ra thông tin, nội dung, dự đoán, khuyến nghị hoặc phản hồi nhằm hỗ trợ con người thực hiện nhiệm vụ. Trong học tập, AI hỗ trợ học sinh tiếp cận kiến thức, xử lý thông tin và thực hiện nhiệm vụ dưới sự kiểm soát, quyết định của người học.

Kỹ năng: Theo tâm lý học hoạt động, kỹ năng là khả năng vận dụng kiến thức, kinh nghiệm và phương pháp hành động để thực hiện nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu và điều kiện cụ thể (Nguyễn Quang Uẩn và cộng sự, 2007).

Kỹ năng sử dụng AI: Tiếp cận quan điểm của UNESCO (2024) và tâm lý học giáo dục, nghiên cứu xác định kỹ năng sử dụng AI trong học tập của học sinh trung học phổ thông (THPT) là khả năng lựa chọn công cụ, diễn đạt và điều chỉnh yêu cầu, khai thác kết quả, đánh giá độ tin cậy và sử dụng AI có trách nhiệm, đồng thời duy trì vai trò chủ động và quyền quyết định của bản thân.

Hành vi học tập: Kế thừa có chọn lọc quan điểm của Zimmerman (2002) và Pintrich (2000), hành vi học tập của học sinh THPT là những hành động nhằm đạt mục tiêu học tập, gồm xác định mục tiêu, tổ chức hoạt động, tìm kiếm và xử lý thông tin, thực hiện nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra, tự đánh giá và điều chỉnh quá trình học.

Ảnh hưởng của kỹ năng sử dụng AI đến hành vi học tập: Trong nghiên cứu này, khái niệm được dùng để chỉ sự tác động của khả năng lựa chọn, sử dụng, khai thác, đánh giá và sử dụng AI có trách nhiệm đến cách học sinh xác định mục tiêu, xử lý thông tin, thực hiện nhiệm vụ và điều chỉnh hoạt động học tập.

2.2. Ảnh hưởng của kỹ năng sử dụng AI đến hành vi học tập của học sinh THPT

Các nghiên cứu tại Việt Nam ghi nhận AI hỗ trợ tìm kiếm thông tin, thực hiện nhiệm vụ, tự học và phát triển năng lực số. Tuy nhiên, kết quả hỗ trợ có thể khác nhau tùy theo kỹ năng sử dụng và bối cảnh học tập.

2.2.1. Ảnh hưởng đến hành vi xác định mục tiêu và tổ chức hoạt động học tập

Kỹ năng sử dụng AI thể hiện ở khả năng xác định mục đích, lựa chọn công cụ và tổ chức sử dụng phù hợp với nhiệm vụ. Đoàn Diệp Minh Triết và cộng sự (2026) xác định sử dụng và vận dụng AI là một trong năm thành tố của năng lực hiểu biết về AI tạo sinh (GenAI literacy) ở học sinh THPT Việt Nam. Đây là cơ sở để xem xét mối liên hệ giữa kỹ năng sử dụng AI với hành vi lập mục tiêu và tổ chức học tập.

2.2.2. Ảnh hưởng đến hành vi tìm kiếm và xử lý thông tin

Trần Văn Hưng và Đinh Thị Mỹ Hạnh (2024) ghi nhận học sinh THPT sử dụng ChatGPT để tra cứu, giải đáp thắc mắc và tổng hợp kiến thức. Khảo sát tại Cần Thơ năm 2025 cũng cho thấy tìm kiếm thông tin là mục đích sử dụng phổ biến, nhưng nhiều học sinh ít kiểm chứng kết quả. Vì vậy, kỹ năng sử dụng AI có thể giúp học sinh chủ động đặt câu hỏi, lựa chọn, tổng hợp và đối chiếu thông tin; thiếu kỹ năng đánh giá có thể dẫn đến tiếp nhận câu trả lời một cách thụ động.

2.2.3. Ảnh hưởng đến hành vi thực hiện nhiệm vụ học tập

Các nghiên cứu tại Cần Thơ và Đà Nẵng ghi nhận ChatGPT hỗ trợ giải bài tập, tìm kiếm thông tin, viết và tự học. Huỳnh Hoàng Tuấn, Huỳnh Nguyễn Ngọc Hân và Thái Thị Ngọc Thúy (2026) nghiên cứu ảnh hưởng của GenAI đến kết quả học tập và năng lực số trong môn Tin học ở cấp THPT. Những nghiên cứu này cung cấp cơ sở xem xét vai trò hỗ trợ của AI trong thực hiện nhiệm vụ, nhưng chưa đủ để khẳng định tác động riêng của kỹ năng sử dụng AI. Việc sử dụng hiệu quả đòi hỏi học sinh duy trì vai trò chủ động trong phân tích và giải quyết nhiệm vụ.

2.2.4. Ảnh hưởng đến hành vi theo dõi, kiểm tra và đánh giá

Đoàn Diệp Minh Triết và cộng sự (2026) xác định đánh giá và thẩm định kết quả AI là một thành tố độc lập của năng lực hiểu biết về AI. Trong khảo sát tại Cần Thơ, 64,8% học sinh báo cáo ít khi kiểm chứng thông tin từ ChatGPT. Kỹ năng đánh giá AI vì vậy có thể liên quan đến việc kiểm tra độ chính xác, so sánh với kiến thức đã học, đối chiếu nguồn và phát hiện sai sót, qua đó hỗ trợ học tập tự điều chỉnh.

2.2.5. Ảnh hưởng đến hành vi tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động học tập

Vi Tiến Dũng và cộng sự (2026) nghiên cứu khó khăn trong mô hình hóa toán học và nhận

thức về sự hỗ trợ của AI ở học sinh THPT tại một số trường Hà Nội. Tuy nhiên, kết quả này không phải bằng chứng trực tiếp cho toàn bộ hành vi học tập. Ngô Văn Giang, Nguyễn Thị Thủy và Phan Hồng Hạnh (2026) nghiên cứu nhận thức về AI trong học tập, có so sánh học sinh thành thị và nông thôn, gợi ý cần xem xét yếu tố bối cảnh. Từ đó, nghiên cứu giả định kỹ năng sử dụng AI tốt hơn có thể hỗ trợ nhận diện sai sót, điều chỉnh yêu cầu, lựa chọn nguồn và thay đổi chiến lược học tập; giả thuyết này cần được kiểm chứng thực nghiệm.

2.3. Nghiên cứu trường hợp điển hình tại Thành phố Hà Nội

2.3.1. Mô tả trường hợp nghiên cứu

Nghiên cứu định tính sử dụng năm phiếu trả lời phỏng vấn sâu của học sinh, gồm tám câu hỏi về hoạt động dùng AI, quyết định sử dụng, cách tương tác, kiểm chứng, lập kế hoạch, tự kiểm tra và nguy cơ phụ thuộc. Mã người tham gia trong dữ liệu gốc gồm N.T.P, N.T.L, T.T.H, N.T.D và D.T.T.O. Đây là những trường hợp nhằm làm rõ biểu hiện, không phải mẫu đại diện hay căn cứ để ước lượng tỷ lệ. Để tránh suy diễn, các trích dẫn được phân biệt với nhận xét của người nghiên cứu; không gán cho người tham gia những hành vi không xuất hiện trong câu trả lời.

2.3.2. Phân tích kỹ năng sử dụng AI và hành vi học tập của trường hợp nghiên cứu

Bảng 1. Đối chiếu nội dung phỏng vấn sâu theo từng trường hợp

Mã người tham gia	Mình chứng nguyên văn (câu 4)	Diễn giải dựa trên phiếu
N.T.P	Có, ví dụ AI đưa ra ví dụ không đúng về số liệu sẽ yêu cầu đưa ra nguồn link bài mà AI tham khảo	Sử dụng AI hỗ trợ làm văn và tìm nguồn; có yêu cầu cung cấp nguồn khi phát hiện số liệu chưa chính xác. Đây là dấu hiệu bước đầu của việc kiểm tra thông tin, nhưng yêu cầu nguồn chưa tự nó chứng minh nguồn đáng tin cậy.
N.T.L	Em sẽ chọn lọc các ý em cho là đúng và chờ cô sửa bài để đối chiếu với kết quả của mình.	Ưu tiên sách giáo khoa và tự tìm hiểu; khi sử dụng AI thì chọn lọc ý và chờ đối chiếu với giáo viên. Điều này cho thấy vai trò của nguồn học liệu và phản hồi từ giáo viên.
T.T.H	Em copy bài giải của AI và không chỉnh gì.	Ưu tiên tự giải bài toán khó, nhưng khi dùng AI có lúc sao chép nguyên bài giải, không chỉnh sửa. Sự kết hợp giữa tự làm ban đầu và sao chép sau đó cho thấy kỹ năng tự kiểm tra chưa nhất quán.
N.T.D	Em thường copy y nguyên bài của AI chỉnh sửa, em không đối chiếu với nguồn nào khác	Dùng AI chỉnh sửa bài văn và thừa nhận sao chép bản sửa mà không đối chiếu nguồn khác. Cần phân biệt hỗ trợ biên tập với thay thế quá trình tự sửa bài.
D.T.T.O	em đi kiểm tra lại thông tin với thầy cô giáo	Dùng AI để giải bài tập khó, yêu cầu nhiều cách giải và có hỏi lại giáo viên. Điều này có thể hỗ trợ so sánh phương pháp, nhưng chưa đủ chứng minh khả năng tự giải quyết nhiệm vụ.

Trường hợp N.T.P

Sử dụng AI hỗ trợ làm văn và tìm nguồn; có yêu cầu cung cấp nguồn khi phát hiện số liệu chưa chính xác. Đây là dấu hiệu bước đầu của việc kiểm tra thông tin, nhưng yêu cầu nguồn chưa tự nó chứng minh nguồn đáng tin cậy.

Khi được hỏi về cách xử lý kết quả AI, người tham gia trả lời: “Có, ví dụ AI đưa ra ví dụ không đúng về số liệu sẽ yêu cầu đưa ra nguồn link bài mà AI tham khảo”. Về khả năng phụ thuộc hoặc thay đổi tính chủ động, người tham gia cho biết:

“Không”.

Trường hợp N.T.L

Ưu tiên sách giáo khoa và tự tìm hiểu; khi sử dụng AI thì chọn lọc ý và chờ đối chiếu với giáo viên. Điều này cho thấy vai trò của nguồn học liệu và phản hồi từ giáo viên.

Khi được hỏi về cách xử lý kết quả AI, người tham gia trả lời: “Em sẽ chọn lọc các ý em cho là đúng và chờ cô sửa bài để đối chiếu với kết quả của mình.”. Về khả năng phụ thuộc hoặc thay đổi tính chủ động, người tham gia cho biết: “Cũng có

đôi lúc, có lúc em cũng phụ thuộc vào AI để làm một số bài tập khó, hạn chế tư duy tự giải bài.”.

Trường hợp T.T.H

Ưu tiên tự giải bài toán khó, nhưng khi dùng AI có lúc sao chép nguyên bài giải, không chỉnh sửa. Sự kết hợp giữa tự làm ban đầu và sao chép sau đó cho thấy kỹ năng tự kiểm tra chưa nhất quán.

Khi được hỏi về cách xử lý kết quả AI, người tham gia trả lời: “Em copy bài giải của AI và không chỉnh gì.”. Về khả năng phụ thuộc hoặc thay đổi tính chủ động, người tham gia cho biết: “Có ạ. Có bài tập khó thì em sẽ nhờ AI làm giúp.”.

Trường hợp N.T.D

Dùng AI chỉnh sửa bài văn và thừa nhận sao chép bản sửa mà không đối chiếu nguồn khác. Cần phân biệt hỗ trợ biên tập với thay thế quá trình tự sửa bài.

Khi được hỏi về cách xử lý kết quả AI, người tham gia trả lời: “Em thường copy y nguyên bài của AI chỉnh sửa, em không đối chiếu với nguồn nào khác”. Về khả năng phụ thuộc hoặc thay đổi tính chủ động, người tham gia cho biết: “Có ạ. Khi viết văn em thấy AI viết hay hơn bài văn của mình”.

Trường hợp D.T.T.O

Dùng AI để giải bài tập khó, yêu cầu nhiều cách giải và có hỏi lại giáo viên. Điều này có thể hỗ trợ so sánh phương pháp, nhưng chưa đủ chứng minh khả năng tự giải quyết nhiệm vụ.

Khi được hỏi về cách xử lý kết quả AI, người tham gia trả lời: “em đi kiểm tra lại thông tin với thầy cô giáo”. Về khả năng phụ thuộc hoặc thay đổi tính chủ động, người tham gia cho biết: “có, thấy nó nhiều lúc có ý tưởng hay hơn mình, viết hay hơn mình”.

Xét theo chủ đề thứ nhất – lựa chọn AI và mục đích sử dụng – N.T.L ưu tiên sách giáo khoa và tự tìm hiểu, trong khi D.T.T.O tìm nhiều cách giải bằng AI. Sự khác biệt này minh họa hai định hướng: AI như nguồn hỗ trợ khi cần và AI như công cụ mở rộng phương án. Ở chủ đề thứ hai – kiểm chứng – N.T.P yêu cầu đường dẫn khi gặp số liệu đáng ngờ, N.T.L đối chiếu với phản hồi của giáo viên và D.T.T.O kiểm tra lại với thầy cô. Các cách kiểm tra không đồng nghĩa nhau về chất lượng, song đều cho thấy vai trò của nguồn thông tin bên ngoài câu trả lời AI. Ở chủ đề thứ ba – tự

điều chỉnh – N.T.L thừa nhận đôi lúc phụ thuộc khi gặp bài khó; điều này gợi ý cần quan sát cả ý định tự học và hành vi thực tế. Ở chủ đề thứ tư – thay thế tư duy – T.T.H và N.T.D mô tả sao chép nội dung AI mà không chỉnh sửa hoặc đối chiếu. Bốn chủ đề này giải thích tại sao kỹ năng sử dụng AI không thể được đồng nhất với tần suất dùng công cụ, và tại sao cần xem xét hành vi học tập ở cấp độ thao tác cụ thể.

2.3.3. Nhận xét chung về trường hợp nghiên cứu

Năm trường hợp cho thấy cùng một công cụ có thể được đưa vào các quy trình học tập rất khác nhau: tìm ý, xin lời giải, kiểm tra nguồn, đối chiếu giáo viên hoặc sao chép sản phẩm. Khi đặt cạnh kết quả định lượng, các lời kể làm rõ khả năng tồn tại khoảng cách giữa nhận diện/lựa chọn AI ($M = 3,43$) và kiểm chứng ($M = 3,01$), cũng như giữa tìm kiếm thông tin ($M = 3,40$) và duy trì nhiệm vụ ($M = 3,24$). Tuy nhiên, đây chỉ là cách diễn giải bổ trợ: phỏng vấn không kiểm định trực tiếp chênh lệch điểm trung bình, không chứng minh một hành vi phổ biến và không xác định chiều tác động của AI. Đóng góp chính của phân tích trường hợp là làm rõ những thao tác cần quan sát trong nghiên cứu tiếp theo.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, kỹ năng sử dụng AI có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động học tập của học sinh THPT. AI mở ra những cơ hội hỗ trợ tiếp cận tri thức, giải quyết nhiệm vụ và điều chỉnh phương pháp học tập. Tuy nhiên, hiệu quả khai thác công nghệ không chỉ phụ thuộc vào mức độ tiếp cận hay tần suất sử dụng mà còn gắn với khả năng lựa chọn, kiểm chứng và vận dụng thông tin của người học. Vì vậy, phát triển kỹ năng sử dụng AI là một yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao tính chủ động, khả năng tự học và trách nhiệm của học sinh trong môi trường học tập số.

Trên cơ sở nghiên cứu các khái niệm cơ bản, phân tích 05 nội dung biểu hiện ảnh hưởng của kỹ năng sử dụng AI đến hành vi học tập của học sinh THPT: 1) Ảnh hưởng đến hành vi xác định mục tiêu và tổ chức hoạt động học tập; 2) Ảnh hưởng đến hành vi tìm kiếm và xử lý thông tin; 3) Ảnh hưởng đến hành vi thực hiện nhiệm vụ học tập; 4) Ảnh hưởng đến hành vi theo dõi, kiểm tra và đánh

giá; 5) Ảnh hưởng đến hành vi tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động học tập, đồng thời tiến hành thực nghiệm vấn đề nghiên cứu đối với 05 học sinh THPT trên địa bàn Thành phố Hà Nội nhằm có được các minh chứng cả về lý luận và thực tiễn để có thể thực hiện nghiên cứu tiếp theo với việc đề xuất những biện pháp giúp học sinh sử dụng AI hiệu quả, có chọn lọc và có trách nhiệm, góp phần duy trì tính chủ động và độc lập trong học tập của học sinh THPT trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Casal-Otero, L., Catala, A., Fernández-Morante, C., Taboada, M., Cebreiro, B., & Barro, S. (2023). AI literacy in K-12: A systematic literature review. *International Journal of STEM Education*, 10, Article 29.
- Vi Tiến Dũng, Đào Thị Hoa Mai, Vũ Thị Thu, Dư Đức Thắng và Nguyễn Đắc Thắng (2026). Khó khăn trong mô hình hóa toán học và nhận thức về vai trò hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo của học sinh trung học phổ thông: Nghiên cứu tại một số trường ở Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, thuộc Tập 26, số đặc biệt 7 (tháng 6/2026), trang 394-402.
- Ngô Văn Giang, Nguyễn Thị Thủy và Phan Hồng Hạnh (2026). Nhận thức về trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập của học sinh trung học phổ thông: Nghiên cứu so sánh học sinh thành thị và nông thôn. *Tạp chí Giáo dục*, Tập 26, Số 09, tr.101–107.
- Pintrich, P. R. (2000). The Role of Goal Orientation in Self-Regulated Learning. Printed in *Handbook of Self-Regulation*. Academic Press, Elsevier.
- Triet Doan Minh, Minh Hoa Quan, Ha Hung Chuong Nguyen. (2026). Development and Preliminary Validation of a Self-Report Scale on Generative AI Literacy in Learning Among High School Students. *Journal of Technical Education Science (JTE)*, Số 2502, Mã định danh: 2502.
- Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên). (2007). *Tâm lý học đại cương, giáo trình*. Nxb Đại học Sư phạm. Hà Nội.
- UNESCO. (2024). *AI competency framework for students*. Paris: UNESCO Publishing.
- Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. *Theory into Practice*, 41(2), 64–70.